TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 9 - 2022.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huê.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Phương Nam.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân THÀNH PHỐ H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân THÀNH PHỐ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bính T, sinh năm: 1976.
Địa chỉ: 24Đ T, phường H, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Địa chỉ liên lạc: 4/36 T, phường H, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trương Quý Đ, sinh năm: 1971.
Địa chỉ: 24Đ T, phường H, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/10/2021 và các lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bính T trình bày: Chị T và anh Đ tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện được 3 năm và được sự đồng ý của hai bên gia đình, không tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục địa phương, nhưng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/6/2007. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà bố mẹ của anh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan

điểm sống, nên từ năm 2008 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên Chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống sinh được một con chung tên là Trương Quân B, sinh ngày 25/6/2008. Nay ly hôn Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu B đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2022 anh Trương Quý Đ trình bày: Anh Đ, Chị T đi đến hôn nhân tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, không tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C(nay là phường H), THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/6/2007. Quá trình chung sống vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, sống với nhau không có hạnh phúc nên từ năm 2010 vợ chồng không chung sống với nhau nữa, nay Chị T xin ly hôn tôi cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống sinh được một con chung tên là Trương Quân B, sinh ngày 25/6/2008. Nay ly hôn anh Đ đồng ý giao cháu Trương Quân Bảo cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Đ không cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ H có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Về phía bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bính T. Xử cho chị Nguyễn Thị Bính T được ly hôn với anh Trương Quý Đ.

Giao cháu Trương Quân B, sinh ngày 25/6/2008 cho chị Nguyễn Thị Bính T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bính T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Trương Quý Đ đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Bính T và anh Trương Quý Đ tìm hiểu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, không tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C (nay là Phường H), THÀNH PHỐ H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/6/2007. Như vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bính T và anh Trương Quý Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian nhưng đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng và ngày càng trầm trọng, hai người đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ năm 2008 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống và luôn xảy ra cải nhau, sống với nhau không có hạnh phúc Chị T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Bính T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Quý Đ, vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng.

Về phía bị đơn là anh Trương Quý Đ, tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt, coi như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước phiên tòa. Nhưng tại bản tự khai ngày 16/6/2022 anh Đ công nhận từ năm 2010 đến nay hai người đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Nên anh Đ cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Bính T và anh Trương Quý Đ đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bính T tại phiên tòa là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung và việc nuôi con: Chị T, anh Đ công nhận vợ chồng có một con chung tên là Trương Quân B, sinh ngày 25/6/2008. Hiện cháu B đang ở với Chị T.

Nay ly hôn Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Trương Quân B, sinh ngày 25/6/2008, không yêu cầu anh Trương Quý Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay Chị T có việc làm, thu nhập ổn định mỗi tháng 7.000.000đồng, phía gia đình Chị T cũng tạo điều kiện giúp đỡ chị về kinh tế cũng như chỗ ở để Chị T ổn định đảm bảo nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Trương Quân B, sinh ngày 25/6/2008 cho chị Nguyễn Thị Bính T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, nên cần chấp nhận .

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh Đ công nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Bính T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000982 ngày 02/3/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ H.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 144 ; Điều 147, Điều 205, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 ; Điều 82 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bính T.

Xử: Chị Nguyễn Thị Bính T được ly hôn với anh Trương Quý Đ.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Trương Quân B, sinh ngày 25/6/2008 cho chị Nguyễn Thị Bính T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu B đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Bính T không yêu cầu anh Trương Quý Đ cấp dưỡng tiền nuôi con, nên anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh Đ công nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Bính T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng , căn cứ tại biên lai thu số 0000982 ngày 02/3/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị đơn là anh Trương Quý Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niên yết theo quy định của pháp luật.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
+ TAND Tỉnh
+ VKSND Tp H
+ Chi cục THA DS
+ UBND phường C, H ;
(Số: 49 ; Quyển số 01/2007)
+ Đương sự.
+ Lưu hồ sơ, lưu dán

Trần Thị Huê